TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST Ngày 28-5-2022 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Linh

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thùy A, sinh năm 1975 (có mặt)

- *Bị đơn:* A Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)

Đều trú tại: Khu Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2021; tại bản tự khai; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thùy Anh Trình bày: Chị và A Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, có làm đám cưới theo thủ tục truyền thống ngày 22 tháng 8 năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ

chức đám cưới thì vợ chồng ra ở riêng tại khu Đá Hen, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòanh Thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra đánh, cãi, chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên gia đình hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và T không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A Trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm ngày 28/5/1995 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/3/1997. Hiện nay hai con đã trưởng T và đã có gia đình, công việc ổn định, có thể tự lo cho bản thân. Nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và C nợ: Quá trình giải quyết vụ án, chị A đề nghị giải quyết chia Tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 192, tờ bản đồ số 58, tại khu 15, xã Đồng Lương; tài sản trên đất và khoản tiền 50.000.000đồng vợ chồng nợ Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị A đã rút yêu cầu về chia Tài sản chung và công nợ chung.

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của vợ chồng chị A và anh T.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2021; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; bị đơn A Nguyễn Văn T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thừa nhận giữa A và chị A về chung sống cùng nhà với nhau từ năm 1994 nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 thì anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng xác định, tình cảm giữa anh và chị A không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ANH T thừa nhận vợ chồng có 2 người con chung như chị A đã trình bày trên. Nhưng hiện nay các con chung đã T niên, lao động tự túc được nên A cũng không đề nghị giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về Tài sản chung, quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và C sức: ANH T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết củanh Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gianh Tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thùy A và A Nguyễn Văn T là vợ chồng.

V*ề con chung; Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và C sức:* Các bên không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦANH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tranh Tại phiên toà; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thùy A xin được ly hôn A Nguyễn Văn T thấy rằng:*

Căn cứ lời trình bày của chị A và ANH T cũng như xác minh tại UBND xã Đồng Lương đã xác định được: Chị A và ANH T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chị A và ANH T chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; đến nay A chị vẫn chưa đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị A xin ly hôn thì phải căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và ANH T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Chị A và ANH T đều xác định A chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm ngày 28/5/1995 và Nguyễn Văn C, sinh ngày

20/3/1997. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và đã có gia đình, công việc ổn định, có thể tự lo cho bản thân, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Chị A đã rút đề nghị giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản trước thời điểm mở phiên tòa; còn ANH T không đề nghị xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về quyền tài sản và C sức: Chị A và ANH T không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không C nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thùy A và A Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Mai Thùy A phải nộp 300.000đ (Banh Trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Banh Trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007624 ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Chị A và Anh T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng